

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 6 – 2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Hảo Tuyệt Th**, sinh năm 1986;

2. *Bị đơn:* Ông **Hà Minh Th1**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Th có mặt; ông Th1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trịnh Hảo Tuyệt Th: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Th trình bày:

Bà Th và ông Th1 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày

02/8/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, bà Th và ông Th1 đã sống ly thân từ đầu năm 2023. Nay, bà Th nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà Th không còn tình cảm với ông Th1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Hà Minh Th1.
- Về con chung: Bà Th xác định trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông Th1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản và nợ: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Hà Minh Th1: Ông Th1 đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông Th1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Hảo Tuyết Th và ông Hà Minh Th1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông Th1 cư trú trên địa bàn thuộc huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Trịnh Hảo Tuyết Th và ông Hà Minh Th1: Xét thấy, bà Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà Th và ông Th1.

[3] Về hôn nhân giữa bà Trịnh Hảo Tuyết Th và ông Hà Minh Th1:

Xét thấy, bà Trịnh Hảo Tuyết Th trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà Th và ông Th1 đã sống ly thân từ đầu năm 2023. Bà Th xác định mâu thuẫn

giữa bà Th và ông Th1 là không thể hàn gắn được, hiện tại bà Th không còn quan tâm đến cuộc sống của ông Th1, bà Th không còn tình cảm với ông Th1 nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th1 vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà Th. Quá trình Tòa án giải quyết, ông Th1 cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà Th về tình trạng mâu thuẫn giữa bà Th với ông Th1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Th và ông Th1 không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Th1.

[4] Về con chung: Bà Th xác định bà Th và ông Th1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th1 không có văn phản đối lời trình bày của bà Th nên Tòa án xác định bà Th và ông Th1 không có con chung, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th1 không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trịnh Hảo Tuyết Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Hảo Tuyết Th đối với ông Hà Minh Th1.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trịnh Hảo Tuyết Th được ly hôn với ông Hà Minh Th1.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Trịnh Hảo Tuyết Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009031 ngày 05 tháng 4 năm 2023 (theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 68/TB – TA ngày 04/4/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Th đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Hà Minh Th1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Th có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Th1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật

